

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
LIÊN CHI HỘI KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

- 1. Tên hoạt động:** Gây Quỹ Xuân tình nguyện 2026
- 2. Thời gian tổ chức:** từ ngày 30/12/2025 đến ngày 03/02/2026
- 3. Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM,
- 4. Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Nhật Đăng – Liên chi Hội trưởng (0949216448).

4. Danh sách sinh viên tham gia:

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	23130084	Vũ Nguyệt Ánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
2	23130017	Nguyễn Thanh Quỳnh Giang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
3	25280033	Trần Huỳnh Như	Toán - Tin học
4	24130279	Phạm Duy Khánh Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
5	25250001	Trần Mai Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
6	25250077	Xâu Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
7	22190001	Võ Thúy An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
8	22190038	Ngô Vũ Lê Khoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
9	25130106	Huỳnh Bảo Thuận	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
10	24130085	Đỗ Thành Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
11	25130135	Phạm Quang Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
12	24120160	Mai Thảo Vy	Công nghệ thông tin
13	25130077	Nguyễn Như Ngân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
14	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
15	24130154	Vũ Trần Thành Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
16	24260006	Nguyễn Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
17	24260024	Nguyễn Thị Kim Hằng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
18	23110107	Lê Thành Nhân	Toán - Tin học
19	24260035	Lê Văn Kiệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
20	24230031	Hàng Bảo Định	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
21	23260011	Tô Thành Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
22	24190061	Nguyễn Huỳnh Khánh Hà	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
23	23170103	Hồ Nhật Vy	Môi trường
24	23190036	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
25	25220051	Nguyễn Nhật Phương	Môi trường
26	24260019	Nguyễn Ngọc Hoàng Chương	Địa chất
27	25260024	Trần Nguyễn Anh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
28	23260025	Lâm Minh Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
29	23260009	Trần Gia Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
30	23260015	Trương Hoàng Ngọc Hiền	Toán - Tin học
31	23260044	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	Toán - Tin học
32	23260017	Nguyễn Thanh Huyền	Địa chất
33	25130045	Nguyễn Duy Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
34	25110214	Nguyễn Hoàng Lâm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
35	23260026	Võ Hoàng Minh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
36	23260056	Trương Hoài Vỹ	Sinh học - Công nghệ Sinh học
37	25130153	Nguyễn Văn Thắng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
38	25230042	Nguyễn Bình Gia Huy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
39	24122056	Ngô Thanh Tùng	Môi trường
40	22210021	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Công nghệ thông tin
41	22130063	Bùi Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
42	23130177	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
43	23130187	Trần Lê Yến Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
44	23130204	Phạm Trọng Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
45	24130257	Tổng Hoàng Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
46	22180211	Mai Tú Trinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
47	23130095	Nguyễn Hoàng Châu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
48	23130073	Vũ Thị Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
49	23130038	Nguyễn Hữu Phước	Toán - Tin học
50	23130054	Khưu Lê Mai Trinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
51	23130025	Nguyễn Thị Mai Linh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
52	24170003	Nguyễn Lâm Ngân Bình	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
53	24170009	Nguyễn Đăng Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
54	24122024	Trần Trọng Tú	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
55	25180115	Nguyễn Hồng Ân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
56	24110161	Đặng Thanh Hòa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
57	24170027	Đoàn Thị Thúy Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
58	24170128	Nguyễn Huỳnh Mỹ Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
59	25200058	Nguyễn Trần Đỗ Quyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
60	24130125	Lê Xuân Trà	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
61	25160040	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
62	25160098	Huỳnh Tuyết Nhi	Công nghệ thông tin
63	25270023	Nguyễn Võ Ngọc Hà	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
64	24150101	Trần Bảo Trân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
65	24150198	Lê Thị Mỹ Quyền	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
66	24150103	Đặng Ngọc Dương Triều	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
67	24150127	Huỳnh Thị Lan Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
68	24150126	Huỳnh Ngọc Mỹ Anh	Toán - Tin học
69	24150123	Võ Thị Ngọc Thơ	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
70	23137008	Lê Hà Thanh Hải	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
71	25230022	Lê Phương Thảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
72	25230020	Nguyễn Đức Thái	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
73	25230012	Huỳnh Trung Nghĩa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
74	22130029	Nguyễn Hải Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
75	22120205	Phan Đức Mạnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
76	22120239	Phạm Xuân Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
77	25230040	Nguyễn Vũ Hoàng	Công nghệ thông tin
78	25230028	Nguyễn Minh Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
79	25230007	Phan Tuấn Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
80	24130048	Lê Quốc Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
81	25130166	Bùi Mạnh Cường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
82	25210015	Võ Ngọc Minh Khuê	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
83	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	Toán - Tin học
84	22130167	Thân Thành	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
85	23130023	Nguyễn Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
86	23130009	Nguyễn Quốc Cường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
87	23130020	Lê Đặng Gia Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
88	23110041	Tạ Châu Quý	Môi trường
89	23110105	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
90	23110183	Đỗ Lê Tuyết Ly	Môi trường
91	23110061	Lê Hoàng Khánh Vy	Địa chất
92	23110030	Dương Trọng Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
93	23110020	Nguyễn Nhật Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
94	23160024	Vũ Hoàng Anh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
95	23160008	Dương Quỳnh Anh	Toán - Tin học
96	24230054	Phạm Thúc Vĩnh	Toán - Tin học
97	23210011	Cao Mạnh Nhất	Địa chất
98	22140190	Nguyễn Thị Dương Thảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
99	22140189	Huỳnh Ngọc Thanh Thảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
100	25230004	Trần Gia Hân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
101	25230036	Diệp Thị Ngọc Hân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
102	25230013	Nguyễn Minh Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
103	25230009	Võ Đăng Khôi	Sinh học - Công nghệ Sinh học
104	24130037	Nguyễn Đăng Khoa	Môi trường
105	24260070	Tạ Thị Như Xuân	Công nghệ thông tin
106	24260001	Hoàng Hải Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
107	24190162	Võ Tuyết Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
108	24190160	Phạm Thị Tuyết Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
109	24190147	Nguyễn Thị Hoàng Trinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
110	23210015	Trương Nhật Mỹ Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
111	23180176	Vương Thanh Tuấn Tài	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
112	24130002	Đinh Lê Bảo Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
113	25150092	Vũ Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
114	23170083	Võ Chí Tính	Toán - Tin học
115	25122081	Huỳnh Hoàng Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
116	25122087	Trần Văn Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
117	25190050	Lương Thị Trà My	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
118	25130265	Huỳnh Thái Toàn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
119	25260003	Trần Nguyễn Vân Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
120	25160016	Phạm Nguyễn Minh Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
121	24130050	Phạm Thành Luân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
122	24190006	Phan Thanh Hải	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
123	24190018	Trương Thục Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
124	23110025	Nguyễn Thái Đăng Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
125	22210008	Trần Ngọc Phương Linh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
126	22210012	Nguyễn Văn Quang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
127	22210003	Tổng Vy Anh	Công nghệ thông tin
128	25260021	Đinh Nhật Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
129	25260001	Cao Lê Phương Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
130	25130161	Trần Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
131	25180037	Phạm Minh Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
132	25130179	Hòa Minh Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
133	25260009	Nguyễn Quốc Hùng	Toán - Tin học
134	25260018	Trần Xuân Nga	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
135	25130187	Nguyễn Văn Hào	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
136	25130221	Đặng Thanh Lam	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
137	25260053	Ngô Thị Quỳnh Trang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
138	25260008	Nguyễn Văn Bảo Hoàng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
139	24260023	Nguyễn Kim Thiên Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
140	25130175	Trần Tấn Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
141	25130239	Sơn Thái Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
142	24230033	Trần Thị Thu Hương	Công nghệ thông tin
143	25260005	Lê Minh Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
144	25130112	Nguyễn Tuấn Tú	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
145	25130071	Hồ Minh Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
146	25130118	Phạm Nguyễn Nguyên Vũ	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
147	22110193	Nguyễn Thị Phương Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
148	25130172	Trần Mai Hồng Đào	Toán - Tin học
149	24260013	Nguyễn Lê Thông	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
150	25260043	Lý Hoàng Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
151	25230018	Lê Bảo Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
152	25130069	Hà Tôn Hữu Lợi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
153	24130102	Trần Nguyễn Hoàng Hưng	Môi trường
154	24130124	Nguyễn Minh Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
155	25230019	Đỗ Vương Gia Phúc	Môi trường
156	25130163	Đặng Gia Bảo	Địa chất
157	25130137	Nguyễn Hữu Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
158	25130210	Huỳnh Gia Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
159	24130203	Nguyễn Đình Khiêm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
160	24130229	Trần Thanh Nguyên	Toán - Tin học
161	25130168	Nguyễn Cường	Toán - Tin học
162	24130191	Nguyễn Đức Gia Huy	Địa chất
163	25130007	Châu Nguyễn Thanh Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
164	25130105	Đỗ Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
165	25130277	Trần Thanh Tùng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
166	22110014	Đậu Quang Anh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
167	25130185	Phan Thanh Hà	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
168	23200015	Hồ Quốc Huy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
169	22260040	Đặng Nguyễn Anh Thư	Môi trường
170	22230031	Trần Minh Bảo Nguyên	Công nghệ thông tin
171	24130272	Hồ Ngọc Trâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
172	24130275	Trần Trọng Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
173	23200051	Mai Phước Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
174	24200023	Bùi Quốc Khải	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
175	25130123	Phạm Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
176	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
177	23200019	Phan Duy Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
178	24120498	Phan Minh Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
179	25122014	Nguyễn Hoàng Thái	Toán - Tin học
180	25260015	Trần Thị Phương Linh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
181	23200033	Nguyễn Anh Tuấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
182	23260052	Âu Trí Viễn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
183	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
184	23130010	Nguyễn Nhật Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
185	23137002	Đinh Ngọc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
186	24260025	Trần Gia Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
187	23130191	Nguyễn Trương Kiều Nương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
188	23130205	Đỗ Thu Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
189	24137045	Huỳnh Nhật Cường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
190	25230027	Lê Trịnh Tường Vi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
191	25137116	Trần Công Lợi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
192	25137036	Trần Nhân Kiệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
193	25137093	Nguyễn Quang Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
194	25137066	Tô Tuấn Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
195	25137063	Nguyễn Minh Thi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
196	25137049	Bùi Trần Trọng Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
197	25137019	Vũ Bùi Minh Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
198	25137074	Lê Thị Tuyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
199	25137005	Trần Hoài Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
200	25137006	Võ Nhật Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
201	25137059	Hoàng Minh Tài	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
202	25137082	Lương Hải Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
203	25137058	Đinh Đỗ Hương Quỳnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
204	25137034	Lê Nguyễn Kiều Khanh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
205	23127230	Đặng Lữ Kiều My	Công nghệ thông tin
206	23127017	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	Công nghệ thông tin
207	24187149	Nguyễn Thị Huyền Trang	Sinh học - Công nghệ Sinh học
208	25137044	Trịnh Đức Mạnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
209	23127091	Văn Thị Diễm My	Công nghệ thông tin
210	23127306	Nguyễn Phương Thảo	Công nghệ thông tin
211	22147181	Đoàn Minh Thư	Hóa học
212	22147115	Nguyễn Lê Ngọc Quỳnh	Hóa học
213	25127509	Trần Quang Thịnh	Công nghệ thông tin
214	24127238	Ngô Huỳnh Thẩm	Công nghệ thông tin
215	25127110	Trần Thị Thảo Nguyên	Công nghệ thông tin
216	25137070	Nguyễn Thế Mỹ Trang	Công nghệ thông tin
217	25137004	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
218	25137027	Trần Quốc Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
219	25137042	Nguyễn Thành Luân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
220	24137095	Lê Song Toàn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
221	25137039	Trang Phương Lân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
222	25137055	Lê Trần Yến Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
223	23187115	Đỗ Ngọc Phương Trinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
224	25137026	Nguyễn Quốc Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
225	22125020	Nguyễn Bạch Trường Giang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
226	25137129	Nguyễn Vũ Anh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
227	25137090	Nguyễn Thị Thiên An	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
228	25137029	Bùi Hoàng Kha	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
229	25137047	Nguyễn Hoàng Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
230	25137022	Chúc Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
231	25137030	Nguyễn Đình Anh Kha	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
232	25137018	Nguyễn Hiến	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
233	24137050	Dương Vĩnh Gôn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
234	24137045	Huỳnh Nhật Cường	Công nghệ thông tin
235	25137051	Đặng Nguyễn	Công nghệ thông tin
236	25137100	Trần Quang Đức	Sinh học - Công nghệ Sinh học
237	25137106	Nguyễn Đức Hoàng Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
238	25137087	Trương Bảo Tiến	Công nghệ thông tin
239	25137015	Nguyễn Thế Duy	Công nghệ thông tin
240	25137037	Nguyễn Ngọc Bảo Lâm	Hóa học
241	23187041	Trần Nguyễn Khánh An	Hóa học
242	25187036	Trịnh Ngọc Phương Linh	Công nghệ thông tin
243	25187040	Võ Thành Minh	Công nghệ thông tin
244	25187110	Nguyễn Khả Đức Thịnh	Công nghệ thông tin
245	25147111	Trần Tuấn Hưng	Công nghệ thông tin
246	25147133	Trần Hoàng Phát	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
247	25147059	Lê Thành Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
248	25127266	Nguyễn Phan Hiền Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
249	25147126	Nguyễn Trí Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
250	25187131	Dương Minh Châu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
251	25127427	Trương Cẩm Tú Nga	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
252	24137039	Phạm Thị Thanh An	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
253	25125008	Sầm Pí Diệu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
254	25247025	Ngô Vĩnh Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
255	25247057	Phạm Quốc Minh Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
256	25137025	Lê Minh Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
257	25137076	Nguyễn Hữu Việt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
258	25137121	Phạm Huy Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
259	25137103	Nguyễn Vũ Hải	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
260	25137095	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
261	25137107	Nguyễn Minh Khải	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
262	24137079	Nguyễn Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
263	25137134	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Công nghệ thông tin
264	22147125	Võ Thị Hoàng Thơ	Công nghệ thông tin
265	22147127	Nguyễn Thị Anh Thư	Sinh học - Công nghệ Sinh học
266	24137026	Lê Vũ Anh Vinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
267	24137034	Nguyễn Ngọc Đông Vy	Công nghệ thông tin

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
268	24137021	Nguyễn Lê Thảo Quyên	Công nghệ thông tin
269	25137075	Nguyễn Hoàng Việt	Hóa học
270	25137139	Đoàn Duy Thuận	Hóa học
271	24137097	Phạm Huỳnh Tú	Công nghệ thông tin
272	25137131	Lê Phú Quý	Công nghệ thông tin
273	25137137	Trần Lê Anh Thư	Công nghệ thông tin
274	25125089	Lê Trọng Đại Nghĩa	Công nghệ thông tin
275	25137080	Nguyễn Lâm Thúy An	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
276	25137141	Lê Minh Triết	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
277	25137057	Thái Bảo Quyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

Danh sách gồm có **277** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2026

**TM. LIÊN CHI HỘI KHOA
VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT
LIÊN CHI HỘI TRƯỞNG**

Người lập bảng

Nguyễn Nhật Đăng

Nguyễn Nhật Đăng